|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÓM TẮT**

**Kết quả kỳ họp thứ 15 *(kỳ họp chuyên đề)* HĐND tỉnh khóa X**

*(Tài liệu phục vụ TXCT của đại biểu HĐND tỉnh)*

Trong thời gian 01 ngày *(ngày 23/10/2023)* Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026đã tổ chức kỳ họp thứ 15 *(kỳ họp chuyên đề)*. Kỳ họp đã thông qua 15 nghị quyết, gồm: 14 nghị quyết chuyên đề và 01 nghị quyết về kết quả kỳ họp. Cụ thể như sau:

**1. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 về Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trong đó đã sửa đổi, bổ sung nguyên tắc lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, dẫn đến làm thay đổi bản chất của việc thực hiện lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia với các nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án khác. Từ đó, một số nội dung về nguyên tắc, hình thức, phương pháp lồng ghép tại Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Do đó, Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023, trong đó sửa đổi, bổ sung về nguyên tắc, hình thức và phương pháp lồng ghép vốn quy định tại các Điều 3, 5, 7 Chương 2 của Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh*.*

*(Các vị đại biểu và các bậc cử tri quan tâm đến nội dung cụ thể, chi tiết đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn)*

**2. Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của Hội đồng nhân dân**

Thực hiện Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 và sửa đổi tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 01/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, do đó cần xem xét điều chỉnh Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 và Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh đảm bảo phù hợp với Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2023/TT-UBDT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; trong đó tại khoản 8 Điều 1 quy định **“Bãi bỏ điều 18”** *(Điều 18, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT quy định về xây dựng kế hoạch và danh mục dự án hỗ trợ phát triển sản xuất)*.

Do đó, HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh.

*(Các vị đại biểu và các bậc cử tri quan tâm đến nội dung cụ thể, chi tiết đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn)*

**3. Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, năm 2023**

Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 và năm 2023 đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị là: 2.510 triệu đồng *(Hai tỷ năm trăm mười triệu đồng)*.

**4. Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 *(bổ sung lần 5)***

Phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023 (bổ sung lần 5), với số tiền 3.083,593 triệu đồng *(Ba tỷ không trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng).*

**5. Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 *(lần 3)* và phân bổ kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương**

- Điều chỉnh tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh: 738.905 triệu đồng *(giảm 30.000 triệu đồng)*. Bao gồm:

1. Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 461.905 triệu đồng *(giảm 30.000 triệu đồng)*.

2. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 239.200 triệu đồng.

3. Nguồn thu xổ số kiến thiết: 25.000 triệu đồng.

4. Bội chi ngân sách địa phương: 10.800 triệu đồng.

5. Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022: 2.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương *(lần 3)* như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 106.085 triệu đồng. Bao gồm:

a) Giảm kế hoạch vốn của 16 dự án: 31.227 triệu đồng.

b) Phân bổ vốn dự phòng chưa phân bổ: 44.858 triệu đồng. Bao gồm:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 39.300 triệu đồng.

- Nguồn vay lại của Chính phủ: 5.558 triệu đồng.

c) Giảm kế hoạch vốn 01 dự án *(do giảm, huỷ kế hoạch vốn)*: 30.000 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 76.085 triệu đồng. Bao gồm:

a) Bổ sung kế hoạch vốn của 21 dự án: 76.029 triệu đồng

b) Bổ sung vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 56 triệu đồng

- Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh là 4.627 triệu đồng. Bao gồm:

1. Giảm kế hoạch vốn 01 dự án: 4.627 triệu đồng.

2. Bổ sung kế hoạch vốn 02 dự án: 4.627 triệu đồng.

**6. Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn *(lần 2)***

- Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 thực hiện điều chỉnh là 545 triệu đồng. Bao gồm:

a) Điều chỉnh giảm (phân bổ) kế hoạch vốn dự phòng: 545 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 01 dự án: 545 triệu đồng.

2. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 điều chỉnh là 2.849 triệu đồng. Bao gồm:

a) Điều chỉnh giảm (phân bổ) kế hoạch vốn dự phòng: 2.849 triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch vốn 01 dự án: 2.849 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 61.211 triệu đồng. Bao gồm:

- Giảm kế hoạch vốn 02 dự án: 7.417 triệu đồng

- Phân bổ vốn dự phòng chưa phân bổ: 53.794 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn: 61.267 triệu đồng. Bao gồm:

- Bổ sung kế hoạch vốn cho 13 dự án: 61.211 triệu đồng.

- Bổ sung kế hoạch vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 56 triệu đồng (đã được bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương tại Nghị quyết số 70 NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2023 (lần 3) và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2023 - nguồn vốn ngân sách địa phương).

**7. Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện; HĐND tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 17/07/2019 quy định mức hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Tuy nhiên, ngày 21/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy; ngày 05/10/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Do vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở cai nghiện ma túy công lập sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện việc cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc;

c) Người nghiện ma tuý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện ma túy;

d) Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma tuý;

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

- Nguyên tắc hỗ trợ

a) Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Kạn tham gia cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hỗ trợ 01 *(một)* lần, thời gian hỗ trợ là 06 *(sáu)* tháng;

b) Người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng được hỗ trợ 01 *(một)* lần;

c) Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hỗ trợ theo lần chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Các mức chi gồm: Mức chi đối với người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Mức chi hỗ trợ đối với người cai nghiện ma tuý tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng;Mức chi thù lao cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma tuý theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

*(Các vị đại biểu và các bậc cử tri quan tâm đến nội dung cụ thể về mức chi và các chế độ khác đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn)*

**8. Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 của HĐND tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

HĐND tỉnh khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17/4/2019 quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sau 04 năm thực hiện Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND.

Trong quá trình tổ chức thực hiện có những bất cập gây khó khăn cho công tác chuẩn bị quà tặng của cơ sở, có sự so sánh giữa các đối tượng người cao tuổi được chúc thọ, mừng thọ về giá trị của quà tặng *(so sánh giá trị tiền mặt mua hiện vật với giá trị thật của hiện vật)*, do đó HĐND tỉnh đã sửa đổi Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND để phù hợp với tình hình thực tế, như sau:

Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3, 4, 6, 8 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

“2. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 75: 400.000 đồng tiền mặt.

3. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 80: 500.000 đồng tiền mặt.

4. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 85: 600.000 đồng tiền mặt.

6. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 95: 900.000 đồng tiền mặt.

8. Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi thọ trên 100 tuổi: 1.500.000 đồng tiền mặt.”

**9. Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/12/2020 của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII tiếp tục xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên là phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và các văn bản liên quan, HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, trong đó:

1. Hỗ trợ phát triển 03 điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm: Thôn Khuân Bang, xã Như Cố, huyện Chợ Mới; Thôn Cọn Poỏng, xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn; Thôn Bản Chiêng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông.

2. Thời gian thực hiện chính sách: Từ năm 2023 đến năm 2026.

3. Đối tượng áp dụng

- Cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Hợp tác xã, doanh nghiệp, Ban quản lý điểm du lịch (sau đây gọi chung là tổ chức).

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển điểm du lịch theo quy định tại Nghị quyết.

4. Nội dung hỗ trợ gồm:

- Hỗ trợ tư vấn về không gian, cảnh quan, sản phẩm và cách làm du lịch: Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo thực tế tại từng điểm du lịch và không quá 300 triệu đồng/01điểm.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và phát triển điểm du lịch: Mức hỗ trợ:Hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không quá 3.000 triệu đồng/01 điểm du lịch.

-Hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc: Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn ngân hàng theo thực tế. Mức vay tối đa được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/nhà, thời gian vay không quá 36 tháng và không quá 10 nhà/01 điểm du lịch.

-Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch: Mức hỗ trợ: 1,5 triệu đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 6 tháng và không quá 15 người/01 điểm du lịch.

-Hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch: Mức hỗ trợ: Không quá 150 triệu đồng/01 điểm du lịch/năm.

*(Các vị đại biểu và các bậc cử tri quan tâm đến nội dung cụ thể về mức chi hỗ trợ và các chế độ khác đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn)*

**10. Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023**

Quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng biên chế công chức: 1.473 biên chế.

2. Tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 8.962 người, trong đó:

a) Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 7.163 người.

b) Sự nghiệp y tế: 1.008 người.

c) Sự nghiệp văn hóa, thể thao và thông tin: 273 người.

d) Sự nghiệp khoa học: 15 người.

đ) Sự nghiệp khác: 503 người.

3. Phê duyệt tạm thời 16 biên chế sự nghiệp mầm non, phổ thông công lập và 62 người làm việc trong các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh.

**11. Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023 và điều chỉnh, bổ sung loại đất, diện tích, tên chủ đầu tư, tên công trình, dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2020, số 85/NQ-HĐND ngày 15/9/2021, số 99/NQ-HĐND ngày 07/12/2021, số 12/NQ-HĐND ngày 27/4/2022, số 59/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 và số 29/NQ-HĐND ngày 26/4/2023**

**-** Thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện trong năm 2023, như sau:

1. Tổng số công trình, dự án cần thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là 88 công trình, dự án, cụ thể:

- Huyện Chợ Đồn: 21 công trình, dự án;

- Huyện Chợ Mới: 05 công trình, dự án;

- Huyện Ngân Sơn: 11 công trình, dự án;

- Huyện Bạch Thông: 09 công trình, dự án;

- Huyện Pác Nặm: 09 công trình, dự án;

- Huyện Ba Bể: 13 công trình, dự án;

- Huyện Na Rì: 17 công trình, dự án;

- Thành phố Bắc Kạn: 03 công trình, dự án;

2. Chuyển mục đích sử dụng 136.241,7m2 đất trồng lúa và 19.490,0m2 đất rừng phòng hộ để thực hiện 41 công trình, dự án.

Điều chỉnh loại đất, diện tích của 09 công trình, dự án; điều chỉnh tên chủ đầu tư của 07 công trình, dự án; điều chỉnh tên của 02 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

**12.** **Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 thông qua bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm *(2020-2024)* trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Thông qua bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm *(2020-2024)* trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đối với một số vị trí giá đất khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh giao đất, mới hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng đưa vào sử dụng và cập nhật một số tuyến đường, đoạn đường chưa có tên trong bảng giá đất.

*(Các vị đại biểu và các bậc cử tri quan tâm đến nội dung cụ thể về mức chi hỗ trợ và các chế độ khác đã được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử đại biểu dân cử tỉnh Bắc Kạn)*

**13. Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các công trình, dự án *(bổ sung)* năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện 05 dự án năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn với tổng diện tích **44,1291 ha**, đối tượng là rừng trồng thuộc quy hoạch rừng sản xuất và rừng trồng ngoài quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Công trình Đường Cốc Lải - Ta Đào, xã Cao Tân, huyện Pác Nặm; Dự án bố trí ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cơ bản các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Dự án Cụm công nghiệp Thanh Thịnh, xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; Dự án Giải phóng mặt bằng và san nền Trụ sở Công an xã Cư Lễ, xã Văn Vũ, huyện Na Rì được thực hiện tại địa phận các xã Cư Lễ, Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**14. Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Xây dựng bổ sung hồ chứa thải của xưởng tuyển nổi chì kẽm sunfua Lũng Váng, xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. (MẬT)**

**15. Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2023 77/NQ-HĐND Nghị quyết về kết quả kỳ họp thứ 15 *(kỳ họp chuyên đề)***

*Trên đây là những nội dung chủ yếu của kỳ họp thứ 15, HĐND tỉnh Bắc Kạn khóa X. Đại biểu HĐND tỉnh căn cứ vào tài liệu tóm tắt này và các Nghị quyết đã được kỳ họp thông qua lựa chọn nội dung phù hợp với địa phương và từng điểm tiếp xúc để báo cáo với cử tri./.*

**THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH**